

Tiết KHDH: 60;61;62;63

Tuần dạy: 11;12

Ngày soạn: 10-11-2024

Ngày dạy: 14-11-2024

BÀI 24: VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT

Môn học: KHTN - Lớp 7
Thời gian thực hiện: 04 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Sau khi học xong, HS sẽ:

- Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hóa học và cấu trúc, tính chất của nước.
- Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tự tìm hiểu về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với sinh vật, thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV trong khi thảo luận về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Giải quyết các vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với sinh vật.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật; Nêu được thành phần hóa học và cấu trúc, tính chất của nước.
- Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và mô tả được cấu trúc của nước. Lấy được ví dụ chứng minh nước không thể thiếu đối với sự sống.
- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Liên hệ và giải thích được một số vấn

đề trong đời sống như ăn uống đầy đủ, hợp lí,...

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, tích cực, hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.
- Có niềm say mê, hứng thú với những việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

II. THIẾT BI DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Đối với giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SBT.
- Tranh ảnh về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.
- Video về nguyên nhân gây bưou cổ.
- Giấy A3 hoạt động nhóm.
- Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với học sinh:

- Sách giáo khoa, sách bài tập môn KHTN 7.
- Tìm hiểu tư liệu liên quan đến vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

*** Dự kiến phân chia tiết dạy:**

- Tiết 1;2: Mục I. Nước đối với cơ thể sinh vật.
- Tiết 3;4: Mục II. Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi bước vào bài học thông qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm nhanh, thông qua đó giúp HS củng cố lại kiến thức đã học ở bài cũ, gợi mở nội dung bài mới.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm, giải quyết câu hỏi mở đầu trong SGK.

Câu 1: Thông thường, các khí khổng nằm tập trung ở bộ phận nào của lá?

- A. Biểu bì lá; B. Gân lá; C. Tế bào thịt lá; D. Trong khoang chứa khí.

Câu 2: Hai tế bào tạo thành khí khổng có dạng gì?

- A. Hình yên ngựa; B. Hình lõm hai mặt.
 C. Hình hạt đậu; D. Có nhiều hình dạng.

Câu 3: Trao đổi khí là:

- A. Sự trao đổi Oxygen, Carbon dioxide và nước giữa cơ thể và môi trường.
 B. Sự trao đổi các chất ở thể khí giữa cơ thể và môi trường.
 C. Sự trao đổi khí Oxygen và Carbon dioxide giữa cơ thể với môi trường.
 D. Sự trao đổi các nguyên tử khí hiếm giữa cơ thể và môi trường.

Câu 4: Oxygen từ phế nang sẽ tiếp tục được chuyển đến:

- A. Khí quản; B. Phế quản; C. Tế bào máu; D. Khoang mũi.

Câu 5: Tác nhân nào dưới đây không gây hại cho đường dẫn khí?

- A. Bụi; B. Vi khuẩn; C. Khói thuốc lá; D. Khí Oxygen.

c. Sản phẩm:

- HS đưa ra được các đáp án đúng, biết nội dung bài mới.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Bước 1:</u> GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>- GV chiếu hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, HS đọc nội dung, xung phong trả lời.</p> <p>- GV chữa đáp án, đặt vấn đề câu hỏi mở đầu: <i>Mọi cơ thể sống, dù được cấu tạo từ một tế bào hay nhiều tế bào, đều chứa nước. Nước cần thiết để vận chuyển chất dinh dưỡng và Oxygen đi khắp cơ thể và thải các chất thải ra ngoài. Điều gì sẽ xảy ra nếu cơ thể thiếu nước?</i></p> <p><u>Bước 2:</u> HS thực hiện nhiệm vụ học</p>	<p>* <u>Đáp án:</u></p> <p><u>Câu 1:</u> A <u>Câu 2:</u> C <u>Câu 3:</u> B <u>Câu 4:</u> C <u>Câu 5:</u> D</p> <p>* <u>Gợi ý câu hỏi mở đầu:</u></p> <p>Nước chiếm khoảng 70% khối lượng của cơ thể người. Nếu thiếu nước, cơ thể sẽ gặp nhiều hậu quả xấu:</p> <p>- Cơ thể sẽ mất đi một số chất cần thiết như kali, natri,... làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.</p> <p>- Thiếu nước cơ thể tự rút nước từ các tế</p>

<p>tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe câu hỏi trắc nghiệm, xung phong trả lời. - HS tiếp nhận và đọc kỹ câu hỏi mở đầu, đưa ra câu trả lời. <p><u>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày đáp án của mình. - HS khác nhận xét, đánh giá và bổ sung ý kiến cho bạn (nếu có). <p><u>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại đáp án câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi mở đầu. - GV dẫn dắt HS vào tìm hiểu nội dung bài mới, Bài 24: VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT. 	<p>bào, nước từ tế bào giảm xuống khiến tất cả hoạt động sinh lí của tế bào bị ảnh hưởng. Từ đó, ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động sống của cơ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đủ máu làm cho huyết áp có xu hướng giảm; gây triệu chứng mệt mỏi, chóng mặt và đau đầu,... - Nếu mất 21% lượng nước sẽ dẫn đến tử vong.
--	---

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

I. NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT:

Hoạt động 1: Tìm hiểu thành phần hóa học, cấu trúc, tính chất của nước.

a. Mục tiêu:

- Thông qua hoạt động này, HS có thể nhận biết được thành phần hóa học, cấu trúc của nước gồm những nguyên tố nào, nguyên tử của các nguyên tố đó điện tích gì để từ đó HS rút ra được các tính chất của nước.

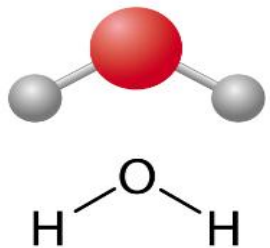
b. Nội dung:

- GV cho HS đọc thông tin SGK, quan sát kênh hình 24.1, thảo luận, trả lời câu hỏi, hình thành kiến thức.

c. Sản phẩm:

- HS nêu được các thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Bước 1:</u> GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trả lời câu hỏi: Dựa vào kiến thức đã học ở bài 4 phần II (trang 29) cho biết thành phần hoá học và cấu trúc của phân tử nước? - Từ câu trả lời của HS, GV rút ra kết luận về thành phần hóa học và cấu trúc của nước. - GV đặt câu hỏi: Vậy với thành phần hóa học và cấu trúc như vậy, nước có tính chất gì? - GV kết luận, cho HS đọc thêm phần em có biết để giải thích được hiện tượng nhện nước có thể di chuyển trên bề mặt nước. <p><u>Bước 2:</u> HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận câu hỏi, đọc thông tin SGK, tìm hiểu về thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước. - GV hướng dẫn HS khai thác thông tin, quan sát và hỗ trợ HS khi cần. <p><u>Bước 3:</u> Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời câu hỏi, chỉ ra được các thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước. <p><u>Bước 4:</u> Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức hoạt động 1, chuyển sang tìm hiểu hoạt động 2. 	<p>I. NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.</p> <p>1. Thành phần hóa học, cấu trúc, tính chất của nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoá học và cấu trúc của phân tử nước: Nước được hợp thành từ các phân tử có hai nguyên tử H, một nguyên tử O và có dạng gấp khúc. <div style="text-align: center;">  </div> <p>Hình 24.1. Mô hình cấu trúc của phân tử nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính chất của nước: <ul style="list-style-type: none"> + Nước là chất lỏng không màu, không mùi, không vị, sôi ở 100°C, đông đặc ở 0°C. + Nước có thể hoà tan được nhiều chất như muối, đường,... nhưng không hoà tan được dầu, mỡ,... + Nước có thể tác dụng với nhiều chất hoá học để tạo thành hợp chất khác. + Nước có tính chất phân cực.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật.

a. Mục tiêu:

- Thông qua hoạt động này, HS nhận biết được vai trò của nước đối với các loài sinh vật.

b. Nội dung:

- GV cho HS tìm hiểu thông tin, hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SGK.

c. Sản phẩm:

- HS biết và nêu ra được vai trò của nước.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><i>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</i></p> <p>- GV đặt câu hỏi: <i>Dựa vào kiến thức đã học, nêu vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật?</i></p> <p>- GV kết luận lại vai trò của nước đối với sinh vật nói chung.</p> <p>- GV đặt câu hỏi: <i>Quan sát hình 24.1 và cho biết với con người, nước đóng vai trò như thế nào?</i></p> <div data-bbox="215 1545 829 1982" style="text-align: center;"> </div> <p>- GV cho HS đọc và tìm hiểu thêm một số</p>	<p>I. NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.</p> <p>2. Vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật:</p> <p>Nước là nhân tố quan trọng đối với mọi cơ thể sống để duy trì sự sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước là thành phần quan trọng trong tế bào và cơ thể sinh vật. - Nước là nguyên liệu cũng như là môi trường cho quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng của tế bào và cơ thể. - Nước là dung môi vận chuyển các chất dinh dưỡng và chất thải trong tế bào và mô. - Nước tham gia duy trì nhiệt độ bình thường của cơ thể. <p>* Vai trò của nước đối với con người:</p>

<p>thông tin về vai trò của nước đối với sinh vật ở mục “<i>Em có biết?</i>”.</p> <p><i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, đưa ra câu trả lời. - GV phân tích, gợi ý hỗ trợ cho HS. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đứng dậy trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). <p><i>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá chuyên sang hoạt động mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước tạo ra nước bọt. - Nước giúp bề mặt niêm mạc ẩm ướt. - Nước giúp thải chất thải của cơ thể. - Nước là thành phần chính tạo nên môi trường trong của cơ thể. - Nước cần cho tuyến nội tiết để tạo hormone. - Nước tham gia vào quá trình chuyên hóa thức ăn thành các chất cần thiết cho tiêu hóa. - Nước điều chỉnh thân nhiệt. - Nước là thành phần chính của máu. Máu giúp vận chuyển khí Oxygen và các chất đi khắp cơ thể. <p>=> Khoảng 70% khối lượng cơ thể là nước.</p> <p>=> Nước rất quan trọng đối với sinh vật nói chung và với con người nói riêng.</p>
---	---

II. VAI TRÒ CỦA CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.

Hoạt động: Tìm hiểu vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

a. Mục tiêu:

- Thông qua hoạt động, HS nhận biết được vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

b. Nội dung:

- GV sử dụng phương pháp trực quan, kỹ thuật khăn trải bàn, hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ, hình thành kiến thức.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi, rút ra được vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Bước 1:</u> GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: <i>Vì sao chúng ta phải ăn mỗi ngày?</i> (HD: Ăn để có chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể). - GV tiếp tục đặt câu hỏi: <i>Vậy chất dinh dưỡng là gì? Sinh vật có thể lấy chất dinh dưỡng từ những nguồn nào?</i> <p>(HD: Chất dinh dưỡng là những chất hay hợp chất hóa học được cơ thể sinh vật hấp thụ từ ngoài môi trường. Động vật lấy chất dinh dưỡng từ thức ăn, thực vật lấy chất dinh dưỡng từ phân bón).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt, chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, thảo luận, ghi kết quả thảo luận vào giấy A3 với nội dung: <i>Quan sát hình 24.2, nêu vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. Lấy ví dụ?</i> - Sau khi chữa bài cho các nhóm, GV chốt lại kiến thức thông qua sơ đồ hình 24.2: <div data-bbox="199 1534 869 2004" style="text-align: center;"> <pre> graph TD A[VAI TRÒ CỦA CHẤT DINH DƯỠNG] --> B[Nhóm chất cung cấp năng lượng] A --> C[Nhóm chất không cung cấp năng lượng] B --> D[Carbohydrate] B --> E[Protein] B --> F[Lipid] C --> G[Chất khoáng] C --> H[Nước] C --> I[Vitamin] </pre> <p>VAI TRÒ CỦA CHẤT DINH DƯỠNG</p> <p>Nhóm chất cung cấp năng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> Carbohydrate: Cung cấp năng lượng, cấu tạo nên tế bào và các mô. Protein: Tham gia cung cấp năng lượng, là nguyên liệu xây dựng tế bào; tham gia điều hòa hoạt động sống, vận chuyển các chất và bảo vệ cơ thể... Lipid: Cung cấp và dự trữ năng lượng, tham gia cấu trúc màng tế bào... <p>Nhóm chất không cung cấp năng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> Chất khoáng: Là thành phần thiết yếu cấu tạo tế bào, tham gia vào quá trình trao đổi chất của cơ thể. Nước: Tham gia vào quá trình trao đổi chất và điều hòa nhiệt độ cơ thể. Sinh vật không thể sống nếu không có nước. Vitamin: Là thành phần thiết yếu cấu tạo tế bào, tham gia vào quá trình trao đổi chất của cơ thể, bảo vệ tế bào và cơ thể. </div>	<p>II. VAI TRÒ CỦA CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất dinh dưỡng là những chất hay hợp chất hóa học được cơ thể sinh vật hấp thụ từ ngoài môi trường. * Vai trò của chất dinh dưỡng: - Cung cấp năng lượng cho hoạt động sống của cơ thể. - Là nguyên liệu cấu tạo nên tế bào và các mô. - Tham gia điều hòa các hoạt động sống, vận chuyển các chất và bảo vệ cơ thể,... - Tham gia điều hòa nhiệt độ cơ thể. * Ví dụ minh họa cho vai trò của chất dinh dưỡng trong cơ thể: - Đường glucose trải qua quá trình hô hấp tế bào sẽ tạo ra năng lượng cung cấp cho cơ thể. - Collagen là một protein có vai trò góp phần cấu tạo nên da, gân, xương và dây chằng. - Phospholipid tham gia cấu tạo nên màng tế bào. - Canxi cấu tạo nên xương răng. - Khi nóng, cơ thể thoát mồ hôi để giảm nhiệt.

<p>- GV tổ chức cho HS tìm hiểu thêm về “Nguyên nhân gây bệnh bướu cổ”.</p> <p>(https://www.youtube.com/watch?v= WJ9Pa37k5o)</p> <p><u>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</u></p> <p>- HS hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thành viên đưa ra ý kiến, thống nhất câu trả lời chung.</p> <p>- GV quan sát các nhóm thực hiện, hỗ trợ (khi cần).</p> <p><u>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</u></p> <p>- GV thu kết quả thảo luận của các nhóm, mời các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm mình.</p> <p>- GV mời thành viên nhóm khác nhận xét bài của nhóm bạn, nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p><u>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</u></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.</p>	<p>* Các chất dinh dưỡng gồm:</p> <p>- Nhóm chất cung cấp năng lượng (Carbohydrate, Protein, Lipid):</p> <p>+ Carbohydrate: Cung cấp năng lượng, cấu tạo nên tế bào và các mô.</p> <p>+ Protein: Tham gia cung cấp năng lượng, là nguyên liệu xây dựng tế bào, tham gia điều hòa hoạt động sống, vận chuyển các chất và bảo vệ cơ thể.</p> <p>+ Lipid: Cung cấp và dự trữ năng lượng, tham gia cấu trúc màng tế bào,</p> <p>- Nhóm chất không cung cấp năng lượng (Vitamin, Chất khoáng và Nước).</p> <p>+ Vitamin: Là thành phần thiết yếu cấu tạo tế bào, tham gia vào quá trình trao đổi chất của cơ thể, bảo vệ tế bào và cơ thể.</p> <p>+ Nước: Tham gia vào quá trình trao đổi chất và điều hòa nhiệt độ cơ thể. Sinh vật không thể sống nếu không có nước.</p> <p>+ Chất khoáng: Là thành phần thiết yếu cấu tạo tế bào, tham gia vào quá trình trao đổi chất của cơ thể.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại kiến thức bài học thông qua hệ thống câu hỏi.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

Câu 1: Khi tìm kiếm sự sống ở các hành tinh khác trong vũ trụ, các nhà khoa học trước hết tìm kiếm xem ở đó có nước hay không vì:

- A. Nước được cấu tạo từ các nguyên tố quan trọng là Oxygen và Hydrogen.
- B. Nước là thành phần chủ yếu của mọi tế bào và cơ thể sống, giúp tế bào tiến hành chuyển hóa vật chất và duy trì sự sống.
- C. Nước là dung môi hòa tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào.
- D. Nước là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

Câu 2: Cơ thể sẽ gặp nguy hiểm nếu không được bổ sung nước kịp thời trong những trường hợp nào sau đây?

- (1) Sốt cao.
- (2) Đi dạo.
- (3) Hoạt động thể thao ngoài trời với cường độ mạnh.
- (4) Ngồi xem phim.
- (5) Nôn mửa và tiêu chảy.

A. (1), (3), (5). B. (1), (2), (3). C. (1), (3), (4). D. (2), (4), (5).

Câu 3: Đâu không phải là tính chất của nước?

- A. Là chất lỏng.
- B. Không màu, không mùi, không vị.
- C. Hòa tan được dầu, mỡ.
- D. Có thể tác dụng được với nhiều chất hóa học để tạo thành các hợp chất khác.

Câu 4: Nước chiếm khoảng bao nhiêu % khối lượng cơ thể?

A. 50%. B. 70%. C. 90%. D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5: Nước là dung môi hòa tan nhiều chất trong cơ thể sống chúng ta vì:

- A. Nhiệt dung riêng cao.
- B. Liên kết hydrogen giữa các phân tử.
- C. Nhiệt bay hơi cao.
- D. Tính phân cực.

c. Sản phẩm:

- HS hoàn thành nhiệm vụ được giao, nắm chắc kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Bước 1:</u> GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>- GV tổ chức HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm về vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.</p> <p><u>Bước 2:</u> HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV quan sát quá trình HS tìm kiếm thông tin và giải quyết vấn đề.</p> <p><u>Bước 3:</u> Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <p>- GV mời HS đứng dậy trình bày câu trả lời.</p> <p><u>Bước 4:</u> Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>* <u>Đáp án:</u></p> <p><u>Câu 1:</u> B</p> <p><u>Câu 2:</u> A</p> <p><u>Câu 3:</u> C</p> <p><u>Câu 4:</u> B</p> <p><u>Câu 5:</u> D</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu:

- HS sử dụng kiến thức, liên hệ để giải thích các hiện tượng của cuộc sống.

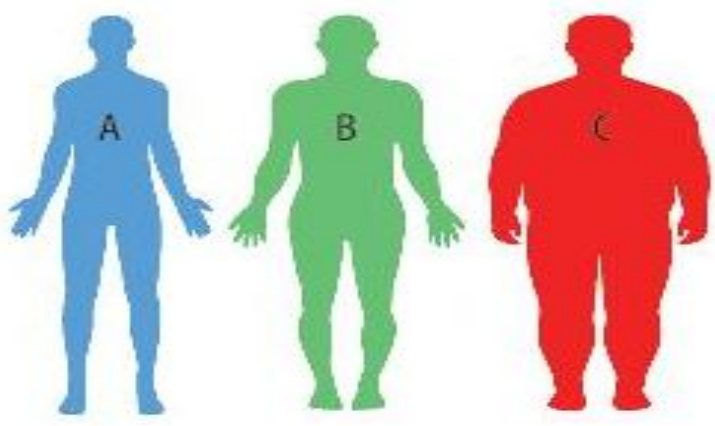
b. Nội dung:

- GV nêu câu hỏi, HS tiếp nhận, thảo luận và trả lời.

c. Sản phẩm:

- HS giải thích được các hiện tượng trong cuộc sống liên quan đến vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Bước 1:</u> GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>- GV đưa ra câu hỏi, yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để giải thích:</p> <p><u>Câu 1:</u> Hình bên mô tả ba người A, B, C đang ở mức cân nặng khác nhau. Trong đó, người B có mức cân nặng bằng bình thường. Quan sát hình và trả lời câu hỏi:</p> <p>a. Hình ảnh của người A và người C đang thể hiện vấn đề gì?</p> <p>b. Theo em, vấn đề đó có thể xuất phát từ những nguyên nhân nào?</p> <div data-bbox="223 963 941 1388" style="text-align: center;">  </div> <p><u>Câu 2:</u> Em hãy tìm hiểu và giải thích các hiện tượng sau:</p> <p>a. Khi cây thiếu nitrogen (N) hay magnesium (Mg), lá sẽ bị vàng?</p> <p>b. Khi cơ thể người thiếu sắt (Fe) sẽ có triệu chứng da xanh xao, mệt mỏi, chóng mặt?</p> <p><u>Bước 2:</u> HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>- HS tiếp nhận câu hỏi, vận dụng kiến thức, liên hệ thực tế để suy luận.</p> <p>- GV quan sát quá trình HS tìm kiếm thông tin và</p>	<p>* <u>Gợi ý:</u></p> <p><u>Câu 1:</u> a. - Hình ảnh của người A: Bị suy dinh dưỡng. - Hình ảnh của người C: Bị béo phì.</p> <p>b. - Nguyên nhân bị suy dinh dưỡng: Khẩu phần ăn thiếu các chất dinh dưỡng, khả năng hấp thụ của hệ tiêu hóa kém, thói quen ăn uống không khoa học...</p> <p>- Nguyên nhân bị béo phì: Do di truyền, thói quen ăn uống không khoa học, ăn nhiều loại thức ăn chế biến sẵn (nhiều chất béo, đường),...</p> <p><u>Câu 2:</u> a. Thành phần N và Mg cấu tạo nên diệp lục, khi thiếu hai nguyên tố này dẫn đến cây thiếu nguyên liệu, không tổng hợp được chất diệp lục -> lá cây có màu vàng.</p> <p>b. Sắt là thành phần cấu tạo nên phân tử hemoglobin trong hồng cầu. Khi thiếu sắt sẽ dẫn đến việc hàm lượng hồng cầu trong máu giảm dẫn đến thiếu</p>

<p>giải quyết vấn đề</p> <p><u>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</u></p> <p>- GV mời 2 - 3 HS đứng dậy trình bày câu trả lời.</p> <p><u>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.</u></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.</p>	<p>máu -> da xanh xao. Đồng thời, không đủ máu cung cấp cho các cơ quan trong cơ thể -> các cơ quan bị thiếu Oxygen và chất dinh dưỡng -> chóng mặt, mệt mỏi.</p>
---	--

* **HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn và hệ thống lại nội dung kiến thức bài học.
- Hoàn thành bài tập trong SBT, bài tập được giao.
- Chuẩn bị trước nội dung **Bài 25: Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật.**

-----o0o-----